2000 exemplaires - Éditeur Hiệp Thanh - Vùng - Viêm
L'Imprimerie Đức Lưu - Phường N°394-396-398 Paul Blanchy
Trương văn-Tuân -

8° Pièce
INDO-CHINOIS
614

三期普度

大道

聖室泳濂

THÁNH-THẤT VỦNGLIÊM

答問

VẤN-ĐÁP

DEPOT LEG
INDOCHINE
N° 8770

香清書院

HƯƠNG-THANH THƯ VIỆN

戊辰年出版

XUẤT BẢN NĂM MẬU-THÌN

1928

8° Pièce
8° Indoch.
641

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France
https://tieulun.hopto.org

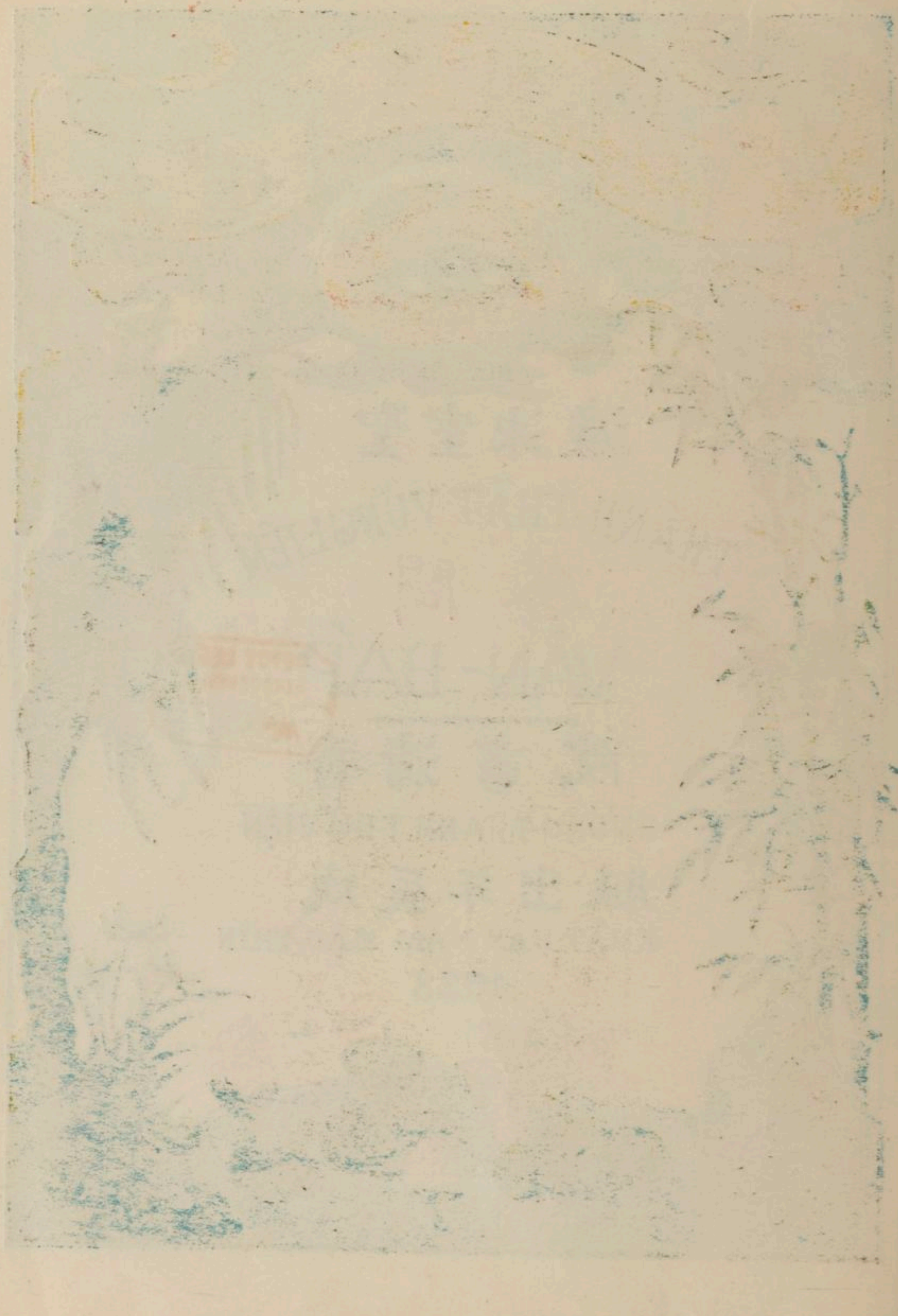

https://tieulun.hopto.org

BIBLIOTHEQUE NATIONALE
R.F.
IMPRIMÉS

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 8970

TỰ'A

Nhơn phận liễu bổ, văn chương quê kèn, tri thực sơ siêng, bởi chưng Phụng-Thừa-Thiên-Mạng 奉承天命, *Phổ-độ Đại-Đạo Tam-Kỳ, nên phải ráng lấy tài sơ văn cạng, mà đặt để ít hàng, gọi là Vấn-Đáp Đại-Đạo Căng-Nguyên* 問答大道恨源, *đặng cho chư Đạo-hữu cùng Thiện-Nam Tín-Nữ, xem qua cho biết sơ lược tôn chỉ Đạo ra sao, gọi là Tập-Hồ-Vi-Dịch* 集狐爲腋, (1) *ngỏ hầu bổ-ích muôn một trong phần Đại-đạo,*

NỮ-PHỐI-SƯ
Hương-Thanh-Cẩn-Đốn.

(1) Tập-Hồ-Vi-Dịch, nghĩa là góp lông-nách con Hồ, mà dệt nên cái áo (Hồ-cừu) cho ra vẻ qui hồ.

https://tieulun.hopto.org

IMPRIMERIE

DÚC-LƯU-PHƯƠNG Àn quán

德流芳印館

Rue Paul-Blanchy, No 394-396-398

SAIGON – TANDINH

https://tieulun.hopto.org

VẤN-ĐÁP ĐẠI-ĐẠO

CĂN-NGUYÊN

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-sư, trong lúc Đại-đạo tam-kỳ Phổ-độ, mở ra chủ ý làm chi vậy. Bà Phối-sư đáp: Trời là một đấng thiên-liêng chí-tôn, tạo hóa nhơn vật đồng thọ khí âm-dương mà Trưởng-thành sanh-hượt 長成生,活 duy loài người có tánh linh hơn muôn vật, sánh với trời đất gọi là Tiểu-thiên-địa 小天, 地 đứng vào Tam-tài 三才, song trời phú cho ai đều có bổn phận nấy, trời ở trên mà xem xuống, thì loài cầm-thú và thảo-mộc giữ đặng tròn bổn phận, ví như cây bông nào tạo-hóa định sắc chi thì y sắc nấy, cây tánh chi cũng y tánh nấy, chớ tạo-hóa không đem đỏ xanh ngọt đắng dầm thâm, mà tự nhiên chẳng sai giời, không mất tánh chất, còn như loài người thì bị Khí-bẩm sở-câu 氣稟所拘, là tình dục ràng buộc, Vật-dục sở-tê 物慾所蔽, là Tứ-đổ-tường 四賭牆 ngăn che, sa đắm hai nẻo ấy, hóa ra tâm tánh phàm, bỏ quên nhơn nghĩa, cho nên lạc bước chôn chông-gai, chẳng tầm nơi địa-vị nhứt định của mình, nên nay đức Thượng-đề vì thương chúng sanh linh phương Nam ta, còn có chút ít đạo-đức, nên lấy phép vô-vi nhiệm mầu, dáng cơ-bút mà mở dạy sanh-chúng nhà Nam ta, ráng tu đạo nầy, đặng gìn lòng sửa tánh, lần tìm ngôi cũ, thoát tục phàm-gian, đặng có mong đời cực lạc, chớ đạo nầy có lạ chi đâu.

Vậy nay tôi xin giải ít lời nguyên-hủy cho các ngài và các tín-đồ nam nữ, rỏ biết Địa-vị 地位 làm sao mà mất, làm sao mà còn, tôi xin giải rỏ nghĩa tam-tài,

https://tieulun.hopto.org

三才 phảm trong tánh chất trời sanh loài người, thuở mới sanh ban đầu thì tánh vốn lành, ai ai cũng vậy, tánh đều giống nhau, tượng là trời đất lấy khí Âm-dương-ngũ-hành 陰陽五行, mà hóa sanh muôn vật, muôn vật thọ khí âm-dương mà Trưởng-thành 長成, Lý-mạng 理命, trời đều phú cho hết, ở nơi trời kêu là lý, phú nơi người gọi rằng Tánh 性, ấy ải có trời đất, rồi sau có muôn vật, có muôn vật, rồi sau mới có nam nữ, có nam nữ, rồi sau có chồng vợ, Cô-Âm-tắc-bất-sanh 孤陰則不生, Độc-dương-tắc-bất-trưởng 獨陽則不長, nghĩa là một mình khí dương, thì chẳng sanh-hóa, một mình khí âm, cũng chẳng tăng thêm, cho nên trời đất sánh dùng khí âm-dương hiệp nhau, trai dùng gái làm vợ, gái dùng trai làm chồng, lấy đạo trời mà nói, thì Âm-dương-hòa 陰陽和, vậy sau mới mưa nhuần vạn vật, vợ chồng hòa, thì Gia-đạo 家道 đặng nên, gốc là Bẩm-thọ-kiền-đạo-thành-nam 禀受乾道成男, Khôn-đạo thành-nữ 坤道成女, Kiền 乾 là trời, thuột Dương 陽, Khôn 坤 là đất, thuột Âm 陰, trời che nơi trên đất chở nơi dưới, gọi là Kiền-kiện-khôn-thuận, 乾健坤順, trời lấy khí-dương giáng xuống, đất lấy khí-âm thăng lên, mới sanh mây mưa mà hóa nuôi muôn vật, ấy là luận đạo trời.

Còn đặo người thì trai gái âm-dương Lưởng-hiệp, 兩合, Phụ-tinh-mẫu-huyết-thành-thai-nguơn 父精母血成胎元, mãng kỳ thai-nguơn, ra khỏi lòng mẹ, hoặc trai hoặc gái, xưng đó là người, trời sở Sanh 生 gọi là người, sở Phú 賦, gọi rằng Tánh 性. Cái Bổn-tánh 本性 tốt của mình, trời đã phú cho hồi mới Xuất-mẫu-thái 出母胎, thuở khóc tu-hoa khi ấy cái Tánh 性 gọi là Mạng 命, cho nên trong sách Trung-dung 中庸 Có câu Thiên-mạng-chi-vị-tánh, 天命之謂性, Suất-tánh-chi-vị-đạo 率性之謂

道, Tu-đạo-chi-vị-giáo. 修道之謂教 (Nghĩa là mạng trời đã phú cho người, mà người Bẩm-thọ 禀受 gọi rằng tánh, theo tánh trời mà làm là đạo, sữa đạo mà dạy người là giáo).

Mà người cùng vật sanh ra thì đồng đặng Lý-mạng 理命 trời phú 賦 mà lấy làm Tánh 性, đồng thọ hai khí trời đất mà nên Hình 形, Tánh 性 là Lý 理 là Mạng 命, ở nơi trời là Nguơn-hanh-lợi-trinh 元亨利貞, ở nơi người là Nhơn-nghĩa-lễ-trí 仁義禮智, Nguơn-hanh-lợi-trinh 元亨利貞, Thiên-đạo-chi-thường 天道之常, bốn ấy đạo thường của trời, Nhơn-nghĩa-lễ-trí 仁義禮智, Nhơn-tánh-chi-cương 人性之綱, bốn ấy diển mối đạo người, chứa để trong lòng là Tánh 性, phát ra ngoài việc là Tình 情, lấy Lý 理 mà nói gọi là trời, lấy Bẩm Thọ 禀受 mà nói gọi là Tánh 性, còn bền giữ nơi mình là Tâm 心, cái tâm cũng như giống lúa, tánh vi Tâm 心 mà Sanh 生, cũng vì Tâm 心 mà Diệc 亦, cái Tâm 心 ấy là Thần minh 神明 của người, sáng láng không tối, cho nên linh hơn muôn vật, nhóm đủ các-lẽ, mà ứng muôn việc, tánh là Lý 理, từ cái lý trời phú ra Hoàn Toàn 完全 cho mình, tự nhiên rất trọn lành, tròn theo lẽ trời thì không dữ, mà Tánh 性 là Tâm 心, tâm là tánh, cái Tánh 性 là cái Tâm 心 phát ra, phát lòng thương-xót là mối Nhơn 仁 dây ra, phát lòng biết hổ thẹn là mối Nghĩa 義 dây ra, phát lòng cung-kính là mối Lễ 禮 dây ra, phát lòng biết phải quấy là mối Trí 智 dây ra, Nhơn nghĩa-lễ-trí 仁義禮智 bốn ấy là Tánh 性, thương xót hổ thẹn Cung-kính 恭敬 biết phải quấy bốn ấy là Tình 情, phàm chứa nơi lòng là Tánh 性, phát nơi việc là Tình 情, tình theo việc mà giới, Tánh-tịnh 性靜 thời Tình-yên 情安, tánh vốn lành người đều vốn có, song Tánh-đạo 性道 tuy

https://tieulun.hopto.org

đồng, mã Khí-bẩm 氣稟 hoặc khác, vì khí có Thanh trược 清濁, Bẩm-thọ-khí-thanh 稟受氣清, thì làm người Hiền 賢, Bẩm-thọ-khí-trược 稟受氣濁, thì làm người Ngu 愚, cho nên có cái sai Thái-quá bất-cập 太過不及, người lành dữ bởi đó phân biệt.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, như bốn chữ, Nhơn-nghĩa-lễ-trí 仁義禮智, thì bà nói tôi nghe rỏ rồi, còn bốn chữ Nguơn-hanh-lợi-trinh 元亨利貞, thì tôi chưa được hiểu, vậy tôi xin bà giải nghĩa bốn chữ ấy cho rành, Bà Phối-Sư đáp: Nguơn-giả 元者, Vạn-vật-chi-thủy 萬物之始, Hanh-giả 亨者, Vạn-vật-chi-trưởng 萬物之長, Lợi-giả 利者, Vạn-vật-chi-toại 萬物之遂, Trinh-giả 貞者, Vạn-vật-chi-chánh-nhi-cô 萬物之正而固, (bốn ấy thuộc về thể), Nguơn-giả 元者, Đại-giả 大也, Hanh-giả 亨者, Thông-giả 通也, Lợi-giả 利者, Nghi-giả 宜也, Trinh-giả 貞者, Chánh-nhi-cô-giả 正而固也, hiệp lại là Đại-thông nhi-tất-nghi-tại-chánh-cô 大通而必宜在正固, nghĩa là gồm cả khắp thông mà phải hạp nơi cái Chính-đính 正訂, mà bền chặc trong Tâm-chí 心志 minh thể như là Đức-chí-tôn 德至尊 vậy, (nghĩa dưới đây thuộc về dụng).

Người hoặc vấn.— Thưa Bà Phối-Sư vậy chớ chữ Đạo 道 là nghĩa làm sao? Bà Phối-Sư đáp: chữ đạo là đường, sách nho có câu Quân tử-lý-nhơn-do-nghĩa 君子履仁由義, là nói người quân-tử làm cái chi cũng noi theo nhơn nghĩa mà làm, là đường nhơn nghĩa, đường nhơn nghĩa là theo nho, còn Tu 修, là Tu-tâm-dưỡng-tánh 修心養性, cũng như cái đường đi vậy, người đi đường nầy, người đi đường kia, có kẻ đi theo sau mà bắc chước, là cái Đạo ,道 là đường-đạo đường-đời,

https://tieulun.hopto.org

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, phàm Trời sanh Nhơn-vật 人物 đều phú tánh tốt hết thảy, sao mà không khiến cho người làm lành hết, để chi có người lành kẻ dữ vậy?

Bà Phối-Sư đáp.— Đã biết đồng phú tánh tốt ai ai đều thọ lãnh thuở bé thơ, đến khôn lớn trí thức lần lần mở mang, tình đời đã rỏ, hoặc vì Vật-dục 物慾 ngăn che, Thất-tình 七情 thâm nhiễm, hoặc nhơn cái, Tham 貪, Sân 嗔, Suy 癡, mà mất tâm tánh, hoặc nhơn Tửu-sắc-tài-khí 酒色財氣 mà mất Căn-nguyên 根源, cho nên làm việc quây không cùn tột, hồi đầu trời phú Tánh nhơn, nghĩa, lễ, trí 性仁義禮智, khi ấy đã hết rồi, hoặc làm Bất-trung bất-hiếu 不忠不孝, Vô-liêm vô-sỉ 無廉無恥, đâu còn cái lòng Lương-tâm 良心, huồn chi cái Tâm 心 như gương tỏ một dạn, Bổn-thể 本體 tự nhiên sáng chói, mà một mai để cho bụi nhơ ngăn lấp cái sáng chói, mới mất bổn thể cái Tánh-chơn 性眞 của mình, cho nên cái tánh cũng bởi cái Tâm 心 mà Sanh 生, lại cũng bởi cái Tâm 心 mà Diệc 滅, như luận Tu-tâm-dưỡng-tánh 修心養性, ở nơi người rằng cấm xét nét, mà vì Thức-kiến 識見 tối sáng, Học-tập 學習 chẳng đồng, cái tánh chất cấm giữ thì còn, buông bỏ chắc mất, nó ra vào không cửa nhứt định đặng, như người tập việc lành chỗ lo cũng lành, chỗ là n đều lành, tự nhiên ngày đến bực Cao-minh 高明, thì làm người hiền, người trí, người quân-tử; như người tập việc dữ lòng lo dữ, nết làm cũng dữ, tự nhiên ngày trôi nơi chỗ thấp hèn, thì làm người Ngu 愚, kẻ Bất-tiếu 不肖, đứa Tiểu-nhơn 小人, cho nên người Quân-tử 君子 làm lành e sợ ngày giờ chẳng đủ mà không rồi việc; kẻ Tiểu-nhơn 小人 làm dữ, cũng quan ngại ngày giờ chẳng đủ mà làm, vì vậy đức Khổng-tử 孔子 có nói rằng: « Tánh

trời Phú 賦 thì đồng nhau, mà chỗ sở Tập 習 thì khác nhau, là câu Tánh tương-cận tập tương-viễn 性相近習相遠.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phôi-Sư : Như nói trời che nơi trên, đất chở nơi dưới, người ở chính giữa, thì tôi cũng chịu là người đặng bực Tam-tài 三才, còn như nói rằng Tiểu-thiên-địa 小天地, có cớ chi Đối-chiếu 對照, chớ không thì là tiêm xưng, e lỗi với bề trên.

Bà Phôi-Sư đáp.— Vậy thời tôi sẽ giải nghĩa Tam-tài 三才 một lược nữa, và giải Tiểu-thiên-địa 小天地, thuở Kiền-khôn 乾坤 chưa phân, lúc ban sơ trời đất chưa mở, gọi đời Hỗn-độn 混沌, khi ấy không mặt nhựt, mặt nguyệt, trời đất gió mây sấm sét núi sông, loài cỏ cây bỏ bay máy cựa những dền cá trạnh cồn trùng, thảy đều chưa có, ngày đêm chưa rẻ sáng tối, khí Âm-dương 陰陽 không phân, thể trời đất còn chung một khối, mờ mờ tối tối, gọi là Hỗn-độn 混沌, hỗn-độn kêu là Vô-cực 無極, khí vô-cực sanh khí Thái-cực 太極, mới phân âm dương, Khí nguơn khí thái cực 氣元氣太極 động 動 là Thuộc-dương 屬陽, Động 動 cùn tột thì tịnh 靜, Tịnh 靜 là Thuột-âm 屬陰, Tịnh 靜 cùn tột thì Động 動, Âm-động-sanh-dương 陰動生陽, Dương-tịnh-sanh-âm 陽靜生陰, trời đất phân mở, ngôi Kiền-khôn 乾坤 mới định, trời mở hội Tý 子, Khí-khinh-thanh 氣輕清 nổi lên làm trời, khí tinh-huê 精華 trời đọng kết làm mặt nhựt mặt nguyệt và ngôi sao, đất mở hội Sửu 丑, khí Trọng-trược 重濁 đọng xuống làm đất, khí tinh-huê đất Phát-sanh 發生 núi sông bờ cõi, còn thanh trược lộn lạo hiệp hóa sanh người, Kiền-đạo-sanh-nam, 乾道生男, khôn-đạo-sanh-nữ 坤道生女, hai khí Giao cảm 交感, hóa sanh muôn vật, biến hóa không cùn, trời mở

hội tý một muôn tám trăm năm, đất mở hội sửu một muôn tám trăm năm, người sanh hội dần một muôn tám trăm năm, Tam-tài định-vị 三才定位, cọng ba n uôn hai ngàn bốn trăm năm, đó là Tam-tài 三才... Lập đạo trời thì có Âm-dương 陰陽, lập đạo đất thì có Can-nhu 剛柔, lập đạo người thì có Nhơn-nghĩa 仁義, trời che trên, đất chở dưới, người ở chính giữa, Thiên-thị-nhứt-đại-thiên 天是一大天, nghĩa là trời một đẳng Chí-tôn 至尊 trong Tam-thập-lục-thiên 三十六天, Nhơn-thị-nhứt-tiểu-thiên 人是一小天, nghĩa là loài người sánh trong Tam-thập-lục-thiên 三十六天, thì đặng thứ bực chót.

Trời có mặt nhựt mặt nguyệt, người có con mắt lỗ tai, trời lấy Nhựt-nguyệt 日月 làm Âm-dương 陰陽, người lấy Khí-huyết 氣血 làm Âm-dương 陰陽, trời có ba trăm sáu mươi lăm độ, và một phần tư độ, người có ba trăm sáu chục lóng xương, trời có tám muôn bốn ngàn ngôi sao, người có tám muôn bốn ngàn chưng lông. — Thiên-hữu-tam-bảo, nhựt-nguyệt-tinh 天有三寶日月星.

Nghĩa là trời có ba vật báu là nhựt nguyệt tinh, Địa-hữu-tam-bảo, thủy-hỏa-phong 地有三寶水火風, nghĩa là đất có ba vật báu là thủy-hỏa-phong, Nhơn-hữu-tam-bảo-tinh-khí-thần 人有三寶精氣神, nghĩa là người có ba vật báu là tinh khí thần, Thiên-hữu-tam-quang, nhựt-nguyệt-tinh 天有三光日月星. Nghĩa trời có ba vật sáng, là mặt nhựt mặt nguyệt ngôi sao, Địa-hữu-tam-hình, cao-hạ-bình 地有三形高下平. Nghĩa là đất có ba hình, là cao hạ bình. Nhơn-hữu-tam-tôn, quân-sư-phụ 人有三尊君師父. Nghĩa là loài người có ba kẻ Tôn-trưởng 尊長 là vua thầy cha, đó là Tiểu-thiên-địa 小天地.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, tôi cũng

vâng lời bà nói Tiểu-thiên-địa 小天地 đó, còn Tam-bảo 三寶 của người thì gọi là Tinh-khí-thần 精氣神, tinh khí thì có, còn sao gọi là thần ? vậy thần ở đâu ?

Bà Phối-Sư đáp.— Tinh khí khác nhau, tinh khí người thường không kể là Tam-bảo 三寶, kể tinh khí theo mấy đức thánh, là người Tồn-tâm-dưỡng-tánh 存心養性, hoặc Minh-tâm kiến-tánh 明心見性, Tu-tâm luyện-tánh 修心練性, vì người Luyện-đạo 練道 kể Tham-thuyền 參禪, thì tinh khí đầy đủ không Diêu-động 搖動, mới có thần 神, kinh Luyện-đạo 練道 có câu rằng : Chí-đạo-chi-tinh 至道之精, Yểu-yể minh-minh 杳杳冥冥, Chí-đạo-chi-cực 至道之極, Hôn-hôn mặc-mặc 昏昏默默, Tất-tịnh tất-thanh 必靜必清, Vô-lao nhĩ hình 無勞爾形, Vô-diêu nhĩ-tinh 無搖爾精, Nãi-khả-dĩ-trường-sinh 乃可以長生, trong mấy vì đó đặng Trường-sanh 長生, thì Sở-quá-giả-hóa 所過也化, Sở-tồn-giả-thần 所存也神, như Đoạn-chương-thủ-nghĩa 斷章取義, thì gọi Quá-hóa-tồn-thần 過化存神, tức nhiên là Thần 神...

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư mỗi câu Thánh-danh 聖名, thì trên có hai chữ Nam-mô 南無, tôi nghe người đạo nói hai chữ ấy là nghĩa Tôn-kính 尊敬, theo ý tôi cũng tưởng là phải, sao mà năm câu nguyện ở sau kinh thấy, có người lại đọc hai chữ ấy ở trên, tôi sợ e sai rồi.

Bà Phối-Sư đáp.— Phải phải ! ! Có một hai người không hiểu nghĩa nên làm kiểu-lạ mà sái Tôn-chỉ 宗旨 vậy, chớ hai chữ Nam-mô 南無 bên nước Tây-thiên 西天 kêu là Nẵng-mô 曩謨, đến đức Tam-tạng 三藏 thỉnh kinh đem về Trung-huê 中華, hồi đời Đường 唐 dịch ra là Nam-mô 南無, Nam-mô

南無 tức thị là Quy-y 皈依, như thích nghĩa cạn, thì chữ Quy-y 皈依 nghĩa là trở về, ý nói trở về đạo trời, hay là Đạo-phật đạo-tiên 道佛道仙, còn như cắt nghĩa cho đủ, thì là vầy, chữ Qui-tức-phản-huờn-chi-nghĩa 皈卽反還之義, là Phản-tà-qui-chánh 反邪歸正, Y 依 là Y-bằng-chi-nghĩa 依憑之義, Bằng-tam-bảo-dĩ-xuất-tam-đồ 憑三寶以出三塗, ý nói nương nầu mà tu theo đạo Tam-tôn-giáo 三宗教, đặng cho vượt khỏi ba đường mê, lánh kiếp Luân-hồi 輪迴, tầm về Địa-vị 地位, còn như trời phật là chứng lòng, như có lòng tưởng, thì có trời phật, Phật-tức-tâm 佛卽心, Tâm-tức-phật 心卽佛, trời phật thần minh đều ở gần, có câu Cử-đầu-tam-xích-hữu-thần-minh 擧頭三尺有神明, chớ như người gọi chữ nam-mô là nam-vô, ý nói nước Nam ta không có phật, ấy là người học hai chữ Tử-viết 子曰 thích nghĩa là thấy rằng con rằng vậy.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, còn hai chữ Bồ-tát 菩薩 là nghĩa làm sao?

Bà Phối-Sư đáp.— Bồ-giả 菩者, Phổ-giả 普也, Tát-giả 薩者, Tế-giả 濟也, Phổ-tế-chi-sanh-linh 普濟之生靈, nghĩa là rộng cứu-giúp kẻ sanh-linh, lại có câu Phổ-tế-tổng-pháp-tôn 普濟總法宗.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, còn như tu lúc Đại-đạo-tam-kỳ-phổ-độ 大道三期普度 nầy, sao đức Ngọc-hoàng thượng-đế 玉皇上帝 lại xưng là Đức-cao-đài 德高臺, có chủ ý nghĩa chi Huyền-diệu 玄妙 không?

Bà Phối-Sư đáp.— Trong Ngọc-hoàng-kinh 玉皇經 xưng thượng-đế là chữ Cao-chơn 高眞, còn trong sách nho xưng là Mân-thiên 旻天, chữ Mân 旻 cũng nghĩa là Cao 高, Nguơn-khí-quảng-đại-viết-mân-thiên 元氣廣大曰旻天, Cư-cao-lý-hạ-vi-nhơn-trân-giả 居高理下爲人鎭也, là nghĩa chữ

cao, Tự-thượng-giáng-dám-nhơn-chi-linh-đài 自上降監人之靈臺, là chữ Đài 臺, hiệp xưng Thượng-đế 上帝 chữ Cao-đài 高臺, cũng như xưng vua là chữ Cửu-trùng 九重, còn chữ Linh-đài 靈臺 là cái Tâm 心 người, trong sách có câu rằng : Nhứt-điểm-linh-đài-đơn-thanh-mạc-trạng 一點靈臺丹清莫狀, ý nói thợ vẽ nào cũng không bộ đặng cái Linh-đài 靈臺 của người, vì chữ Linh 靈 là nghĩa Hư-linh-bất-muội 虛靈不昧, không Hình-tượng 形象.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, còn Thiên-địa 天地 là trời đất, sao lại gọi là Kiền-khôn 乾坤?

Bà Phối-Sư đáp.— Chữ nào cũng có nghĩa nầy, lấy cái Hình-tượng 形象 ra mà nói, kêu là Thiên-địa 天地, còn lấy cái Tánh-tình 性情 mà nói, thì gọi là Kiền-khôn 乾坤, còn hai chữ Cao-đài 高臺, như luận theo Âm-dương bát-quái 陰陽八卦 trong Tiên-thiên 先天, chữ Cao 高 chín nét trừ tám còn một, thì thuộc về quẻ Kiền 乾, Kiền-vi-thiên 乾爲天, chữ Đài 臺 mười bốn nét trừ tám còn sáu, thì thuộc về quẻ Khảm 坎, Khảm-vi-thủy 坎爲水, ứng quẻ Thiên-thủy-tụng 天水訟, chữ Tụng 訟 là nghĩa tranh dành, là vì ngày nay đạo dị-đoan-phong-khởi 異端蜂起, làm Mê-hoặc 迷惑 cho Tâm-tánh 心性 người Nam ta, dành nhau mà lạc bước nơi tranh cỏ, từ đây nhà Nam ta, may gặp đặng Đại-đạo-tam-kỳ-phổ-độ 大道三期普度 nầy, đặng lánh cái tranh cỏ ấy, ứng trong câu Bạc-mậu liên-nhự 拔茅連茹 trong Kinh-diệc 經 湯, nghĩa là vì Thượng-đế nhổ trốc hết về tranh vừa cây vừa ngó, ấy là Tôn-chỉ 宗旨 chữ Cao-đài 高臺, còn như chiết tự ra, chữ Tụng 訟 thì Ngôn 言 bằng chữ Công 公, ý nói vì Thượng-đế cũng Công-đồng 公同 soi cái Linh-đài

靈臺 người... còn luận theo Hậu-thiên 後天 thì chữ cao trừ tám còn một, thuộc về quẻ khảm, khảm vi thủy, chữ đài trừ tám còn sáu, thuộc quẻ kiền, kiền vi thiên, ứng quẻ Thủy-thiên-nhu 水天需, Thiên-nhứt-sanh-thủy 天一生水 Thủy-năng-sanh-vạn-vật 水能生萬物, còn chữ nhu là chữ Vũ 雨 trên chữ Nhi 而 dưới, lời ngự chế của vua Trần-Kiển 陳暴 ngày trước có câu rằng : Sử-thiên-nhi-vũ-chu 使天而雨珠, Hàn-giả-bất-khả-dĩ-vi-nhu 寒者不可以爲柔, nghĩa nói đương tiết đông thiên lạnh lẽo, dẫu trời mưa hột châu xuống, thì kẻ lạnh cũng không dùng đặng, lại có câu rằng : Sử-thiên-nhi-vũ-ngọc 使天而雨玉, Cơ-giả-bất-khả-dĩ-vi-túc 饑者不可以爲粟, nghĩa là nói năm mất mùa kẻ đương nhịn đói, dẫu trời mưa ngọc, cũng không dùng đặng, vì đói lạnh gấp, hai vật ấy dùng sao kiệp, còn ngày nay cũng chẳng trông gì mưa hai vật ấy, là quyết trông ngài mưa cái Huyền-diệu 玄妙 xuống mà mở Đại-đạo-tam-kỳ-phổ-độ 大道三期普度, đạo nầy là Phổ-thông 普通 cho người lành kẻ dữ đều Tu-tâm-dưỡng-tánh 脩心養性 mà ăn năn chừa lỗi, lại hóa đặng kẻ dữ theo lành, cũng như nước sanh muôn vật mà hóa muôn vật, mà tánh nước thì Năng-phương-năng-viên hữy-khúc-tùy-hình 能方能員委曲隨形, cũng là tôn chỉ hai chữ ấy, mà nghĩa câu Tiên-thiên hậu-thiên-tịnh-dục-đại-từ-phụ 先天後天並育大慈父 càng rõ nữa.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, còn như trên trời thì ngó thấy thường ước chừng năm sắc mây thì là năm lớp mây, sao gọi là Cửu-tiêu 九霄 đến chín lớp vậy ?

Bà Phối-Sư đáp.— Cửu-tiêu 九霄 có đủ, Thần-tiêu 神霄, Thanh-tiêu 青霄, Bích-tiêu 碧霄, Đơn-tiêu 丹霄, Kiểng-tiêu 景霄, Ngọc-tiêu 玉霄, Chân-

tiêu 霄 紫, Tử-tiêu 振 霄, Thái-tiêu 太 霄, ấy là cửu tiêu đó.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, còn sao gọi là Cửu-thiên 九 天?

Bà Phối-Sư đáp.— Cửu-thiên là Trung-thiên 中 天, Triện-thiên 羨 天, Tùng-thiên 從 天, Hạo-thiên 昊 天, Thương-thiên 蒼 天, Quách-thiên 廓 天, Hàm-thiên 咸 天, Thượng-thiên 上 天, Thành-thiên 成 天.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, còn Tam-thập-lục-thiên 三 十 六 天 có kể Cửu-thiên 九 天 đó không?

Bà Phối-Sư đáp.— Không, trong Tam-thập-lục-thiên 三 十 六 天 là ba mươi sáu cõi trời, phía Đông 東 tám vị trị tám cõi phía đông, Tây nam bắc 西 南 北, cũng đều tám vị vậy, hô câu Tứ bát tam thập nhi 四 八 三 十 二 là 32 còn ở Trung-ương 中 央 một đức Thiện-kiền-thiên 善 見 天 là ngọc-hoàng chúa cả, còn ba cõi nữa là Dục-giái 慾 界, Sắc-giái 色 界, Vô-sắc-giái 無 色 界, như kể từ tên thì nhiều lắm, chớ không phải ba mươi sáu mà thôi.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, còn như Tứ-đại-bộ-châu 四 大 部 洲 có chung nhập trong mấy cõi đó không?

Bà Phối-Sư đáp.— Không.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, vậy chớ bà nói không nhập, thì bôn châu ấy riêng hay sao?

Bà Phối-Sư đáp.— Lời ngạn ngữ có nói rằng: Kiền-khôn-như-kê-nãng 乾 坤 如 鷄 卵, là nói hình tượng trời đất như cái trứng gà, Thiên-như-kê-tử-bạch 天 如 鷄 子 白, Địa-như-kê-tử-huỳnh 地 如 鷄 子 黃, là nói trời như tròng trắng trứng gà ở ngoài, đất như tròng vàng trứng gà ở trong, cho nên

sắc thổ thuộc sắc huỳnh, trời đất đều ở giữa chừng nước, trên mặt nước tuần thứ nhứt là Phong-luân 風 輪 (gió), tuần thứ nhì là Thủy-luân 水 輪 (nước), trên Thủy-luân 水 輪 tuần thứ ba là Kim-luân 金 輪, (Thuộc-hành-kim 屬 行 金) trên tuần Kim-luân 金 輪 là tuần Địa-luân 地 輪, trên Địa-luân 地 輪, chính giữa là núi Tu-gi-sơn 須 彌 山, khỏi mây vòng ngoài núi Tu-gi 須 彌 là biển cả, giữa biển cả có Tứ-đại-bộ-châu 四 大 部 洲 ở bốn phía, núi Tu-gi 須 彌 ở giữa, ây là một trái Kiền-khôn-thiên-địa 乾 坤 天 地, phía đông núi tu-gi một nước lớn tên là Phât-ư đài 弗 於 逮, sau xưng là Đông-thắng-thần-châu 東 勝 神 洲, ngôi đất phía đông hẹp, phía tây rộng, bình như nửa mặt nguyệt, phía nam núi Tu-gi một nước lớn xưng là Diêm-phù-đề 閻 浮 提, Ba-la-nại 波 羅 奈, sau xưng là Nam-thiệm-bộ-châu 南 贍 部 洲, ngôi đất phía nam hẹp, phía bắc rộng, phía bắc núi Tu-gi một nước lớn kêu là Huất-đơn-việt 鬱 單 越, sau xưng là Bắc-cu-lưu-châu 北 俱 盧 洲, ngôi đất vuông chính, phía tây núi Tu-gi một nước lớn kêu là Cu-gia-ni 俱 耶 尼, sau xưng là Tây-ngưu hạ-châu 西 牛 賀 洲, ngôi đất như mặt nguyệt tròn, ây là tứ-đại-bộ-châu.

Người hoặc vân.— Thưa bà Phôi-Sư, còn như nói Vô-cực sanh thái-cực 無 極 生 太 極, Thái-cực sanh lưỡng-nghi 太 極 生 兩 儀 là khí Hư-vô sanh 虛 無 生 hữ-vô 虛 無 là phải, sao mà nói Lưỡng-nghi sanh tứ-tượng 兩 儀 生 四 象, có người gọi Tứ-tượng 四 象 là đông, tây, nam, bắc 東 西 南 北, bốn ây có định tại, ý như có hình tượng, tôi sợ e lời ây là lầm.

Bà Phôi-Sư đáp.— Phải, Vô-cực sanh thái-cực 無 極 生 太 極, Thái-cực sanh lưỡng-nghi 太 極 生 兩 儀 đều là Hư-vô 虛 無, còn Lưỡng-nghi sanh tứ-

tượng 兩儀生四象, không phải là đông, tây, nam, bắc 東西南北 đâu, Lưỡng-nghi 兩儀 là Âm-dương 陰陽, Lưỡng-nghi sanh tứ-tượng 兩儀生四象, là Thái-dương thái-âm thiếu-dương thiếu-âm 太陽太陰少陽少陰, Thái-dương sanh thiếu-âm 太陽生少陰, Thái-âm sanh thiếu-dương 太陰生少陽, là Dương sanh âm 陽生陰, âm sanh dương 陰生陽, phải là Hạo-nhiên sanh Hư-vô 浩然生虛無 đó.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, bà nói mấy lời thì tôi nghe cũng có lý, vậy thì bây giờ lấy việc chi mà làm đầu cho có Nhơn-nghĩa 仁義 theo đường đời, sau mới vào đường Đạo 道.

Bà Phối-Sư đáp.— Đường đời lấy Hiếu-dưỡng-phụ-mẫu 孝養父母 làm trước, sách Luận-ngữ đức Khổng-thánh 論語德孔聖 có nói rằng : Hiếu-đễ-giả-dã-kỳ-vi-nhơn-chi-bổn-dữ 孝弟也者其爲仁之本與, cho nên làm nhơn thì cái hiếu là đầu hơn hết trong trăm việc, vì vậy có một người tín-đồ, tiếp theo sau 25 vị hiền tữ, đặng cho người người coi đó mà chỉ cho kẻ muốn vào đạo Tam-giáo 三教, trước lấy đó làm nêu-mực trong đường đời.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, còn như theo kinh nầy sách kia thì tôi hiểu, sao lại kêu là chú, là nghĩa là , sao tôi không hiểu ?

Bà Phối-Sư đáp.— Chữ Chú 咒 bên Tây-thiên 西天 gọi rằng : Đà-la-ni 陀羅尼 Trung-huê và An-nam ta dịch ra là chữ Tổng-trì 總持, Tổng-nhứt-thể-pháp 總一切法 trì-vô-lượng-nghĩa 持無量義, nghĩa là gồm tóm phép tắc rộng thinh, cầm giữ nghĩa lý u thâm huyền diệu 幽深玄妙, ấy là nghĩa chữ chú.

Người hoặc vấn.— Thưa bà Phối-Sư, vậy chớ tôi nghe việc Cầu-Cơ linh-hiển lắm, có ông nói vị tiên

nào xuống cơ cho việc chi, thì có câu thi nói công việc thạnh suy bĩ thới 盛衰否泰 dinh hư tiêu trưởng 盈虛消長 trong mấy câu thi đó, và lại xưng tên chiết tự ở trong, vậy bà có hiểu bài nào, xin bà cắt nghĩa cho tôi nghe ,đặng rõ mùi Huyền diệu trongđạo.

Bà Phối-Sư đáp.— Thôi để tôi nói ít bài thơ Tiên cho ở bên Châu-đốc ngày xưa cho ngài nghe, có một người cầu tiên mà hỏi chứng bịnh của thân-phụ, Tiên ông cho bài tứ-tuyệt như vầy :

Chơn ngôn bất lậu thiểu nhơn tri,
眞言不漏少人知,
Mạc đạo cao đê sự sự khuy,
莫道高低事事虧,
Chỉ khủng phàm tâm đồ dụng lực,
只恐凡心徒用力,
Xuân duyên nhứt khúc tảo qui kỳ,
春緣一曲早歸期.

Nghĩa là vì tiên cho lời chơn chánh, mà ít người hiểu, là Tiên-cơ bất-lậu, cho bài nầy là dạy người đừng bàn cao luận thấp, vì lo việc chi cũng không tròn đặng, ngài sợ lòng phàm-tục có việc thì đau chưn há miệng, dùng sức luống công, vì căn bịnh nầy, bước đầu mùa xuân liền cới hạc, bốn câu thi Tiên ông cho nói bịnh không lành, mà lại xưng tên trong bốn câu ấy mà chiết tự ra, câu đầu bốn chữ chơn-ngôn bất-lậu, chiết ra chữ trực ba chữ thiểu-nhơn-tri, là đem chữ nhơn, nhơn đứng lại một bên chữ trực thành chữ trị 值 câu thứ nhi Mạc-đạo-cao-đê-sự-sự-khuy, chiết ra chữ nhựt 日, câu thứ ba, Chỉ-khủng-phàm-tâm-đồ-dụng-lực, là chiết chữ phàm chữ tâm trong chữ khủng ra, rồi đem chữ lực vô là chữ công 工, câu thứ tư, Xuân-duyên-nhứt-khúc-tảo-qui-kỳ, là hiệp chữ nhứt chữ khúc lại, rồi chiết chữ tảo lấy chữ nhựt trên hiệp lại với chữ nhứt chữ

khúc, là chữ tào, ây là ông Trị-nhựt-công-tào 值日功曹.

Còn một ông cho bài như vầy :

Triêu khai nguyệt xuất ngoại tây biên,
朝開月出外西邊,
Tuyết ám sương xâm võ phi thiên,
雪暗霜侵雨飛天,
Liễu dục nhứt hoành giai chỉ thị,
了欲一橫皆只是,
Khuyên quân thủ phận thức tiền niên,
勸君守分識前年.

Bài nầy cũng nói bịnh không lành, câu thứ nhứt, triêu khai nguyệt xuất, là chữ triêu bỏ chữ nguyệt ra, ngoại tây biên, là chiết lấy chữ bộc bên hữu chữ ngoại đó, hiệp lại với nữa chữ triêu kia là chữ hàn 韓, câu thứ nhì ,tuyết ám sương xâm võ phi thiên, là chữ tương 相, câu thứ ba, liễu dục nhứt hoành là chữ tử 子, ba chữ ây hiệp lại là chữ Hàn-tương-tử 韓相子, Tiên ông ây cho.

Còn chư đạo hữu ở Tân-an có Cầu-Cơ mà cầu đức Chí-Tôn, đặng hỏi việc từ đây trở lại sau là làm sao, đức Chí-Tôn có cho bôn câu như vầy :

Nhựt nhựt liên sơn hữu nhựt bình,
日日連山有日平,
Tam giang khải địa nhị giang kinh,
三江啓地二江京,
Tứ châu tại lạc kê châu khổn,
四洲在樂鷄洲困,
Ngũ hải huờn chung thỏ hải minh,
五海還鐘兎海明.

Thích nghĩa ra là đức Chí-Tôn quở dạy các con biểu dừng nóng-nảy mà trông, lo dần lòng sửa tánh, cũng như kẻ có bịnh nóng, thì dùng thuốc mát mẽ, vậy tôi giải sơ việc cơ-bút đó, xin các ngài ráng kiếm mà hiểu.

CHUNG

https://tieulun.hopto.org

Luôn diệp đây, tôi xin kê tiếp mấy bài Thánh-Ngôn, của đức Từ-Bi, Chí-Tôn, NGỌC-HOÀNG-THƯỢNG-ĐẾ tá danh CAO-ĐÀI-TIÊN-ÔNG Đại-Bổ-tác-ma-ha-tác Giáo-Đạo Nam-Phương, giáng cơ sắc dụ cho tôi biết tôn-chỉ mà lo nền Đại-Đạo.

Đêm 15 tháng 5 Bính-Dần niên,

Giáng cơ tại Đại-Đàn ông Thượng Trung nhựt.

CAO-ĐÀI-HUYỀN-KHUNG-CAO-THƯỢNG-ĐẾ

Giáo-đạo-Nam-Phương

MỪNG CON NGHE DẠY

Một kiếp vinh ba một kiếp tu,
Từ sanh vinh hiển bởi công phu.
Ơn dày phải lắm con từ thiện,
Nghĩa trọng ráng lo môi thửa thù,
An tịnh nhờ lòng đạo đức.
Buồn vui chi để một lòng nhu,
Gia-đình đã mãng thân như nguyện.
Lập tượng Quang-Âm trả nghĩa phu ?

Đêm mùng 4 tháng 6 năm Bính-Dần niên,

Đức CHÍ-TÔN sắc dụ thêm một bài bác cú nữa.

Gặp xuân hoa trở sắc tươi cười,
Tuổi đã cao rồi tính mấy mươi.
Tu niệm lòng thành con gắn vó,
Thương yêu lòng lão để dành nơi.
Mưa hè trảng trọc đừng ham thế,
Tuyết Ngọc tuông đưa bước đến Trời.
May mắn thân thời may mắn kiếp,
Đam thân cửa phạm ráng đua bơi.

Đêm mùng 6 tháng 7 năm Bính-Dần.

https://tieulun.hopto.org

Ngọc-Hoàng Thượng-Đế viết Cao-Đài Giáo-Đạo Nam phương.

Hỷ chư môn-đệ, chư cao đẳng nhơn sanh, chư môn-đệ đứng bài ban. Lâm ái-nữ khá nghe lời dạy con ôi:

Thế sự như đêm tăm tối,
Đạo như giữa lối gặp đèn,
Biết bao Thánh đức tâm hiền,
Trời đà buộc lắm phen cứu độ
Binh lời hiểm kẻ vô biển khổ,
Mắt phải vòng ám mộ lợi danh,
Bỏ trần gian nhiều kẻ chẳng đành,
Ham phú quí công danh đành phải đọa,
Tội trần kiếp tội dư dã quá,
Phận công phu nhơn quả đã chia rồi,
Mượn Bồ-Đề khuây khóa thế mà thôi,
Chẳng phải kệ với kinh năng đúc Phật,
Âm-chất vốn là điều thứ nhứt,
Âm-chất nhiều mới dứt cõi trần luân,
Phận liễu mai phải mang kiếp hồng trần,
Thấy lắm lúc bân khuân thương trẻ dại,
Ngồi vấn vẻ càng xem thêm luyến ái,
Muôn toan đem trẻ dạy đến đường tu,
Cảm thương con cũng lắm công phu,
Thấy phải liệu vận trù chước thế,
Đường Tây-vức từ khi bị bế,
Tiếng Phật-Tông đổi lệ thay thoàn,
Giữa trần ai có mấy khôn toan,
Phòng hiểu thấu mối mang chơn giả,
Thấy không định vì lòng tự quá,
Mới khởi đem chánh quả một đường,
Tam-kỳ mong độ chúng tai ương,
Lại quyết mở Tây-Phương khai Đại-Đạo,
Con vốn thiệt là tay chơn lão,

https://tieulun.hopto.org

Phái nữ nhi bọc bảo giúp công Thầy,
Cùng Tỷ-Nương đường thị con đây,
Lo phương thề đở vai trong mối Đạo
Đừng tưởng lão chẳng vì lòng thảo,
Cậy con rồi trở trác chối công đâu,

Cười :

Khó việc chi cũng tại buổi đầu,
Con ra sức mới thâu toàn nữ phái,
Cực thân ây trẻ đừng ái ngại,
Muôn việc con Thầy lại sớt chia,
Chẳng phải cần đá tạc danh bia,
Tên tuổi trẻ nước kia còn khép mặt
Lợi danh khá để lòng sấp Đặt.
Trên thuận hòa dưới ắt tùy tùng,
Môn-đệ Thầy để dạ lo chung,
Thương nghèo khó lao lung con giúp đở,
Trong Môn-đệ nhiều tay quá dở,
Tiền bạc nghèo Thầy khó đở đặng nào,
Khuyên con nhìn biết lão biết đau,
Tình đồng Đạo yêu nhau bằng ruột thịt,
Tập hòa hưởn tánh không xích mích,
Tự nhiên dầu có nghịch cũng đầu,
Con là đâu mà lão lại đâu.
Quyền thề lớn ai thân con ái ngại,
Thương diều dắt lây đoàn em dại,
Đạo đức ngoan phải trái con thầy rồi,
Niệm Nam-mô hai chữ nầy thôi thôi,
Lo cứu thề mới rồi lẽ chánh.
Tưởng hai trẻ chẳng lòng sanh nạnh,
Gắn chung lo cho mạnh đạo nhà minh,
Lòng hiếu con thầu dọng Thiên-Đình,
Mẹ trẻ đó Thầy quyết tình cứu độ.
Con khá dắt em con đi một ngõ,

https://tieulun.hopto.org

Biền nó rằng phải bỏ đôi mà theo chơn,
Vậy con tua liệu thiệt lo hơn,
Thầy trước mắt chớ sờn thân nhọc.

Nghe à, Cười
Lâm-thị ái-nữ hiểu con há :
Một ngôi con Thầy sâm sẵng ;

Gia tài con Thầy gìn giữ để trọn quyền con làm thế nào của phù du ấy ra ơn ấm chật đặng thì con làm.

Đêm 11 tháng 8 năm Bính-Dần.

Phật Quang-Âm như-lai giáng cho tôi một bài bác cú.

Quang-Âm Như-Lai hĩ chư Đạo-Hữu, Lâm thị tiểu mụi, em nghe chị phân.

Long-nữ e n ôi bị khổn trần,
Có thân em hiểu thẫm cho thân,
Sen Nam-Hải ủ buồn khi biệt,
Trước Bắc-Đào-Xào nhớ lúc phân,
Lụy chị không ngui lòng ái thê.
Than-thà khó giải dạ yên nhàn,
Công trình phổ độ ra tình nguyện,
Nên mới lạc lầm chốn khổ-tân,

Em nghe hiểu chăng ?

https://tieulun.hopto.org

高臺玉帝教道南方
丙寅年五月十五日
登鸞乩諭
悧晃瞕吪
沒刼榮花沒刼修
慈生榮顯𢚸功夫
恩𩟡布奈千慈善
義重扯怙緬吡殊
安靜惱悉𩟡道德
恰恰志底沒悉柔
家庭笆滿身如願
立像視音括義孚

高臺玉帝教道南方
丙寅年六月初四日
登鸞乩諭
返春花阻色滋唭
鼎笆高来信尒进
修念悉誠琨勉穤
傷天悉老底俘尼
霤夏腠愫停慽世
雪玉㴞逸跳蹥奚
埋漫身辰埋漫刼
瘂身闈䪏扯揤懸

高臺玉帝教道南方
丙寅年八月十一日
登鸞乩諭
如來喜諸道友
觀音
林氏小妹㛪瞕姉分
龍女㛪喂被絪塵
固身㛪曉慘朱身
蓮南海㦖恰欺別
竹北島㷶泇貯分
淚姉空瞶悉愛世
嘆孩苦解脃要人
功程普度螺情願
職慣落惏準苦津
㛪瞕曉庄

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org